

BÁO CÁO ĐO ÂM THANH

ISO 3745

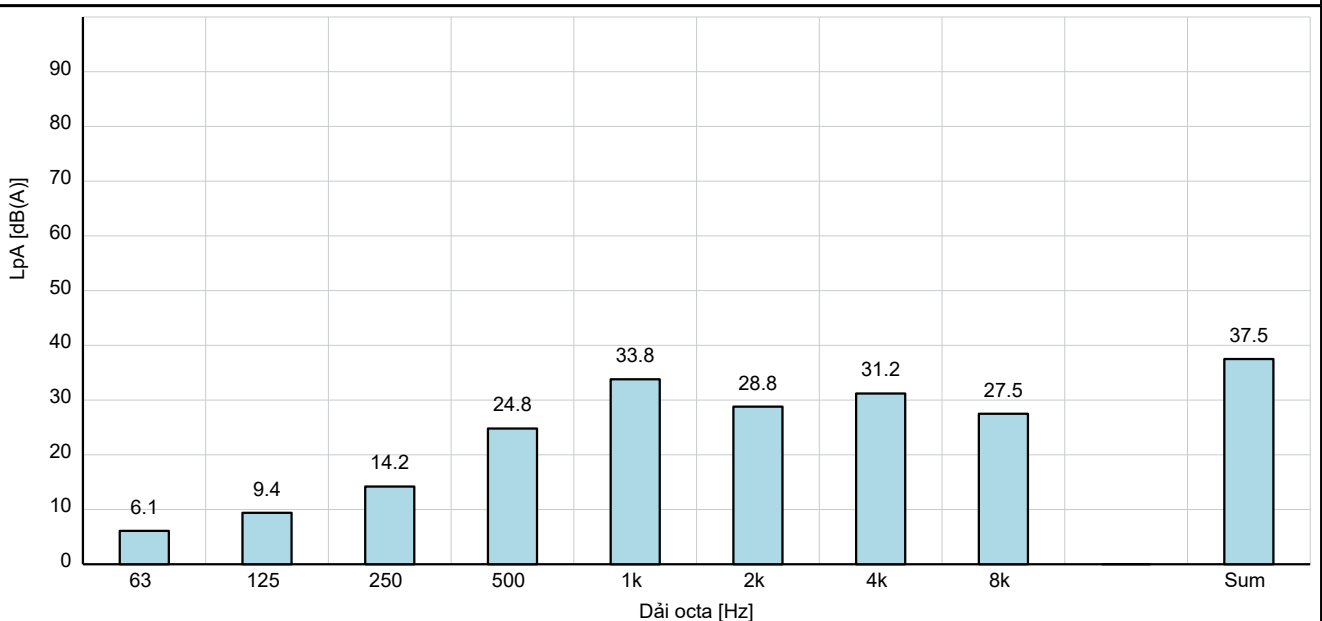
Phản đối: Loại đ. cơ: MLE71A

U: 200-240 [V]
f: 50/60 [Hz]
P2: 0.55 [kW]
n: 2900 - 4000 [rpm]

Điều kiện thử nghiệm: Load: No load / Idle

Thử âm: 230 [V]
f: 50 [Hz]
P2: 0 [kW]
n: 1500 [rpm]

Nhận xét:



Mức áp suất âm thanh L_{pA} : 37.5 [dB(A)]

Mức công suất âm thanh L_{WA} : 49.5 [dB(A)]

Lưu ý:

- Giá trị công suất âm thanh L_{WA} xác định theo IEC 60034-9, ISO 3745 và ISO 4871.
 - Tính bất định liên quan $K_{WA} = 3$ [dB(A)]
 - "Tổng giá trị phát ra tiếng ồn được đo và tính bất định liên quan là ranh giới trên của phạm vi giá trị có khả năng xảy ra trong các lần đo".
- Công suất âm thanh được đánh giá ở tốc độ định mức và không tải theo quy định trong IEC 60034-9.
 - "Mức công suất âm thanh ở điều kiện toàn tải thường cao hơn mức công suất âm thanh không tải. Nói chung, nếu tiếng ồn rung động xuất hiện nhiều, sự thay đổi có thể là nhỏ nhưng nếu tiếng ồn điện từ xuất hiện nhiều, sự thay đổi có thể là lớn".
 - Thêm vào đó, theo trình bày trong IEC 60034-9 Sửa đổi 1, có thể tăng mức tiếng ồn trên bộ biến đổi tần số do tăng mức sóng hài cao hơn và khả năng trùng hợp giữa các loại sóng hài này và cộng hưởng kết cấu.
- Mức áp suất âm thanh tương đương L_{pA} ở khoảng cách 1 m được xác định từ mức công suất âm thanh thông qua phương pháp Q2 của ISO 11203
 - Diện tích bề mặt quan sát S là hình dáng hộp bao phủ nguồn và ở đây được tính cho khoảng cách được quy định là 1 m giữa nguồn và bề mặt quan sát.
 - Mức áp suất âm thanh phát ra có được từ phương pháp này thể hiện mức áp suất âm thanh trung bình trên diện tích bề mặt S trong điều kiện môi trường gần với trường tự do trên mặt phẳng phản chiếu".

Tham khảo:

(IEC 60034-9, ISO 3745 & 4871)
(IEC 60064-9; Khoản 8)
(ISO 4871; Mục B2)
(IEC 60034; Khoản 5.2)
(IEC 60034-9; Khoản 6, Lưu ý 2)
(IEC 60034-9 và 1; Khoản 7)
(IEC 60034; Khoản 5.2)
(ISO 11203; Khoản 6.2.3)

BÁO CÁO ĐO ÂM THANH

ISO 3745

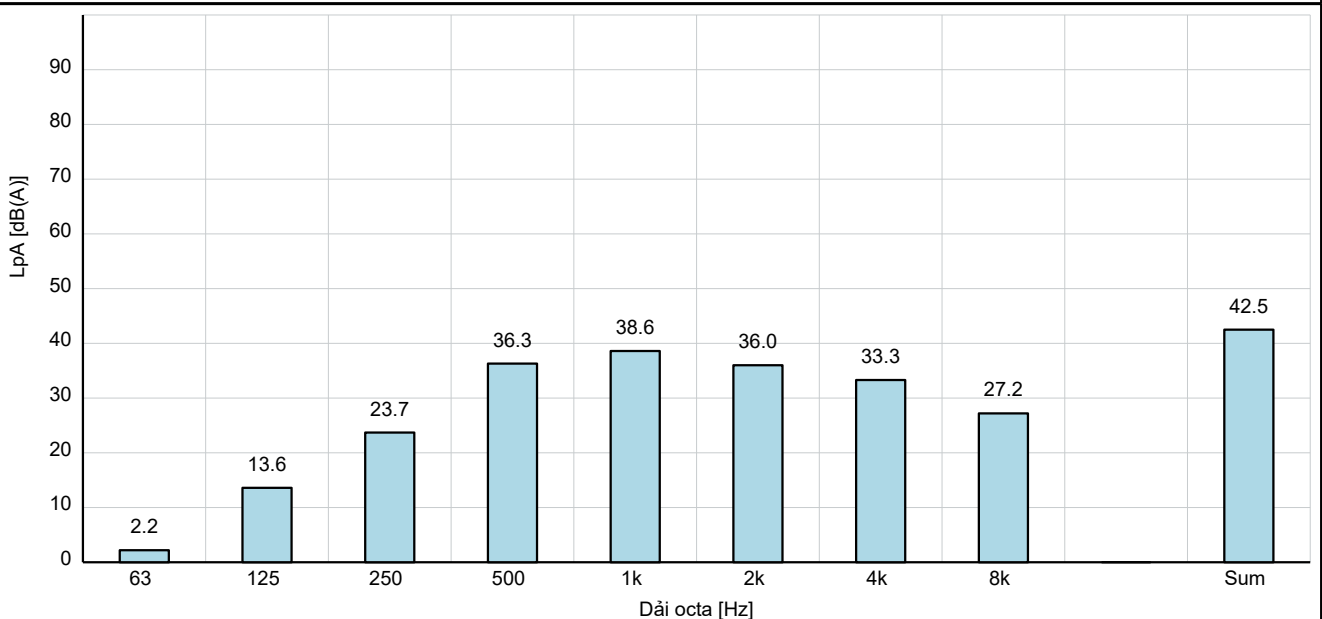
Phản đối: Loại đ. cơ: MLE71A

U: 200-240 [V]
f: 50/60 [Hz]
P2: 0.55 [kW]
n: 2900 - 4000 [rpm]

Điều kiện thử nghiệm: Load: No load / Idle

Thử âm: 230 [V]
f: 50 [Hz]
P2: 0 [kW]
n: 2250 [rpm]

Nhận xét:



Mức áp suất âm thanh L_{pA} : 42.5 [dB(A)]

Mức công suất âm thanh L_{WA} : 54.5 [dB(A)]

Lưu ý:

- Giá trị công suất âm thanh L_{WA} xác định theo IEC 60034-9, ISO 3745 và ISO 4871.
 - Tính bất định liên quan $K_{WA} = 3$ [dB(A)]
 - "Tổng giá trị phát ra tiếng ồn được đo và tính bất định liên quan là ranh giới trên của phạm vi giá trị có khả năng xảy ra trong các lần đo".
- Công suất âm thanh được đánh giá ở tốc độ định mức và không tải theo quy định trong IEC 60034-9.
 - "Mức công suất âm thanh ở điều kiện toàn tải thường cao hơn mức công suất âm thanh không tải. Nói chung, nếu tiếng ồn rung động xuất hiện nhiều, sự thay đổi có thể là nhỏ nhưng nếu tiếng ồn điện từ xuất hiện nhiều, sự thay đổi có thể là lớn".
 - Thêm vào đó, theo trình bày trong IEC 60034-9 Sửa đổi 1, có thể tăng mức tiếng ồn trên bộ biến đổi tần số do tăng mức sóng hài cao hơn và khả năng trùng hợp giữa các loại sóng hài này và cộng hưởng kết cấu.
- Mức áp suất âm thanh tương đương L_{pA} ở khoảng cách 1 m được xác định từ mức công suất âm thanh thông qua phương pháp Q2 của ISO 11203
 - Diện tích bề mặt quan sát S là hình dáng hộp bao phủ nguồn và ở đây được tính cho khoảng cách được quy định là 1 m giữa nguồn và bề mặt quan sát.
 - Mức áp suất âm thanh phát ra có được từ phương pháp này thể hiện mức áp suất âm thanh trung bình trên diện tích bề mặt S trong điều kiện môi trường gần với trường tự do trên mặt phẳng phản chiếu".

Tham khảo:

- (IEC 60034-9, ISO 3745 & 4871)
- (IEC 60064-9; Khoản 8)
- (ISO 4871; Mục B2)
- (IEC 60034; Khoản 5.2)
- (IEC 60034-9; Khoản 6, Lưu ý 2)
- (IEC 60034-9 và 1; Khoản 7)
- (IEC 60034; Khoản 5.2)
- (ISO 11203; Khoản 6.2.3)

BÁO CÁO ĐO ÂM THANH

ISO 3745

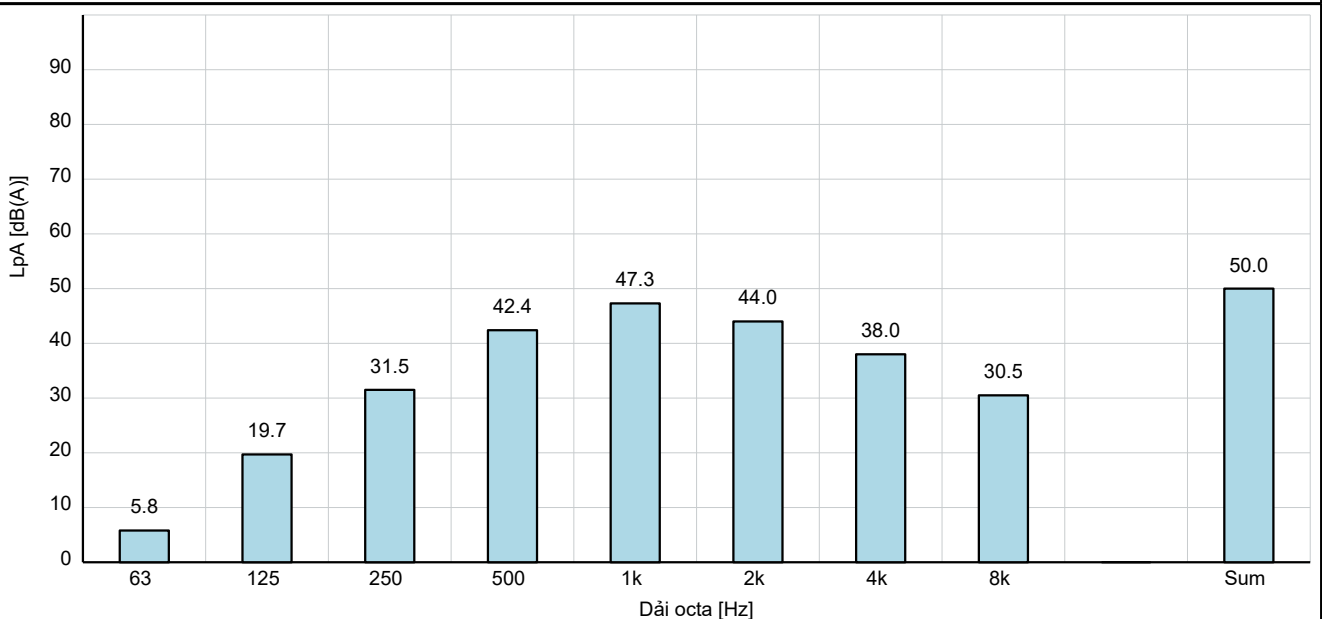
Phản đối: Loại đ. cơ: MLE71A

U: 200-240 [V]
f: 50/60 [Hz]
P2: 0.55 [kW]
n: 2900 - 4000 [rpm]

Điều kiện thử nghiệm: Load: No load / Idle

Thử âm: 230 [V]
f: 50 [Hz]
P2: 0 [kW]
n: 3000 [rpm]

Nhận xét:



Mức áp suất âm thanh L_{pA} : 50.0 [dB(A)]

Mức công suất âm thanh L_{WA} : 62.5 [dB(A)]

Lưu ý:

- Giá trị công suất âm thanh L_{WA} xác định theo IEC 60034-9, ISO 3745 và ISO 4871.
 - Tính bất định liên quan $K_{WA} = 3$ [dB(A)]
 - Tổng giá trị phát ra tiếng ồn được đo và tính bất định liên quan là ranh giới trên của phạm vi giá trị có khả năng xảy ra trong các lần đo.
- Công suất âm thanh được đánh giá ở tốc độ định mức và không tải theo quy định trong IEC 60034-9.
 - "Mức công suất âm thanh ở điều kiện toàn tải thường cao hơn mức công suất âm thanh không tải. Nói chung, nếu tiếng ồn rung động xuất hiện nhiều, sự thay đổi có thể là nhỏ nhưng nếu tiếng ồn điện từ xuất hiện nhiều, sự thay đổi có thể là lớn".
 - Thêm vào đó, theo trình bày trong IEC 60034-9 Sửa đổi 1, có thể tăng mức tiếng ồn trên bộ biến đổi tần số do tăng mức sóng hài cao hơn và khả năng trùng hợp giữa các loại sóng hài này và cộng hưởng kết cấu.
- Mức áp suất âm thanh tương đương L_{pA} ở khoảng cách 1 m được xác định từ mức công suất âm thanh thông qua phương pháp Q2 của ISO 11203
 - Diện tích bề mặt quan sát S là hình dáng hộp bao phủ nguồn và ở đây được tính cho khoảng cách được quy định là 1 m giữa nguồn và bề mặt quan sát.
 - Mức áp suất âm thanh phát ra có được từ phương pháp này thể hiện mức áp suất âm thanh trung bình trên diện tích bề mặt S trong điều kiện môi trường gần với trường tự do trên mặt phẳng phản chiếu.

Tham khảo:

(IEC 60034-9, ISO 3745 & 4871)
(IEC 60064-9; Khoản 8)
(ISO 4871; Mục B2)
(IEC 60034; Khoản 5.2)
(IEC 60034-9; Khoản 6, Lưu ý 2)
(IEC 60034-9 và 1; Khoản 7)
(IEC 60034; Khoản 5.2)
(ISO 11203; Khoản 6.2.3)

BÁO CÁO ĐO ÂM THANH

ISO 3745

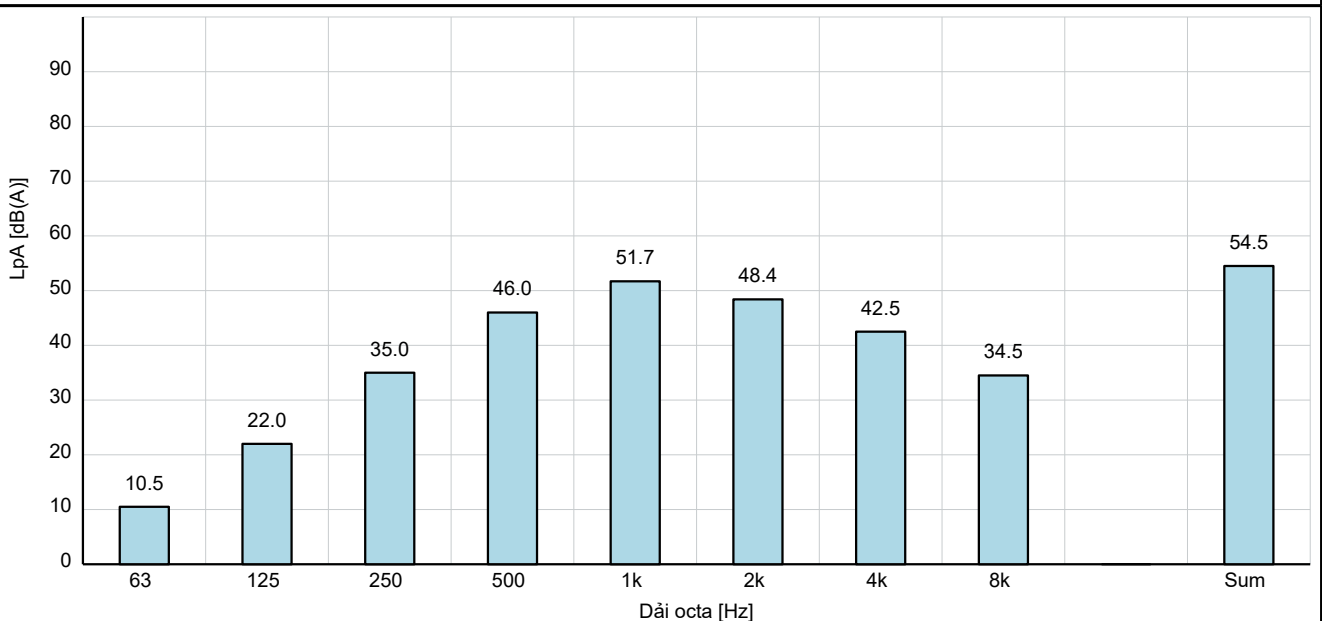
Phản đối: Loại đ. cơ: MLE71A

U: 200-240 [V]
f: 50/60 [Hz]
P2: 0.55 [kW]
n: 2900 - 4000 [rpm]

Điều kiện thử nghiệm: Load: No load / Idle

Thử âm: 230 [V]
f: 50 [Hz]
P2: 0 [kW]
n: 3600 [rpm]

Nhận xét:



Mức áp suất âm thanh L_{pA} : 54.5 [dB(A)]

Mức công suất âm thanh L_{WA} : 66.5 [dB(A)]

Lưu ý:

- Giá trị công suất âm thanh L_{WA} xác định theo IEC 60034-9, ISO 3745 và ISO 4871.
 - Tính bất định liên quan $K_{WA} = 3$ [dB(A)]
 - Tổng giá trị phát ra tiếng ồn được đo và tính bất định liên quan là ranh giới trên của phạm vi giá trị có khả năng xảy ra trong các lần đo.
- Công suất âm thanh được đánh giá ở tốc độ định mức và không tải theo quy định trong IEC 60034-9.
 - "Mức công suất âm thanh ở điều kiện toàn tải thường cao hơn mức công suất âm thanh không tải. Nói chung, nếu tiếng ồn rung động xuất hiện nhiều, sự thay đổi có thể là nhỏ nhưng nếu tiếng ồn điện từ xuất hiện nhiều, sự thay đổi có thể là lớn".
 - Thêm vào đó, theo trình bày trong IEC 60034-9 Sửa đổi 1, có thể tăng mức tiếng ồn trên bộ biến đổi tần số do tăng mức sóng hài cao hơn và khả năng trùng hợp giữa các loại sóng hài này và cộng hưởng kết cấu.
- Mức áp suất âm thanh tương đương L_{pA} ở khoảng cách 1 m được xác định từ mức công suất âm thanh thông qua phương pháp Q2 của ISO 11203
 - Diện tích bề mặt quan sát S là hình dáng hộp bao phủ nguồn và ở đây được tính cho khoảng cách được quy định là 1 m giữa nguồn và bề mặt quan sát.
 - Mức áp suất âm thanh phát ra có được từ phương pháp này thể hiện mức áp suất âm thanh trung bình trên diện tích bề mặt S trong điều kiện môi trường gần với trường tự do trên mặt phẳng phản chiếu.

Tham khảo:

(IEC 60034-9, ISO 3745 & 4871)
(IEC 60064-9; Khoản 8)
(ISO 4871; Mục B2)
(IEC 60034; Khoản 5.2)
(IEC 60034-9; Khoản 6, Lưu ý 2)
(IEC 60034-9 và 1; Khoản 7)
(IEC 60034; Khoản 5.2)
(ISO 11203; Khoản 6.2.3)

BÁO CÁO ĐO ÂM THANH

ISO 3745

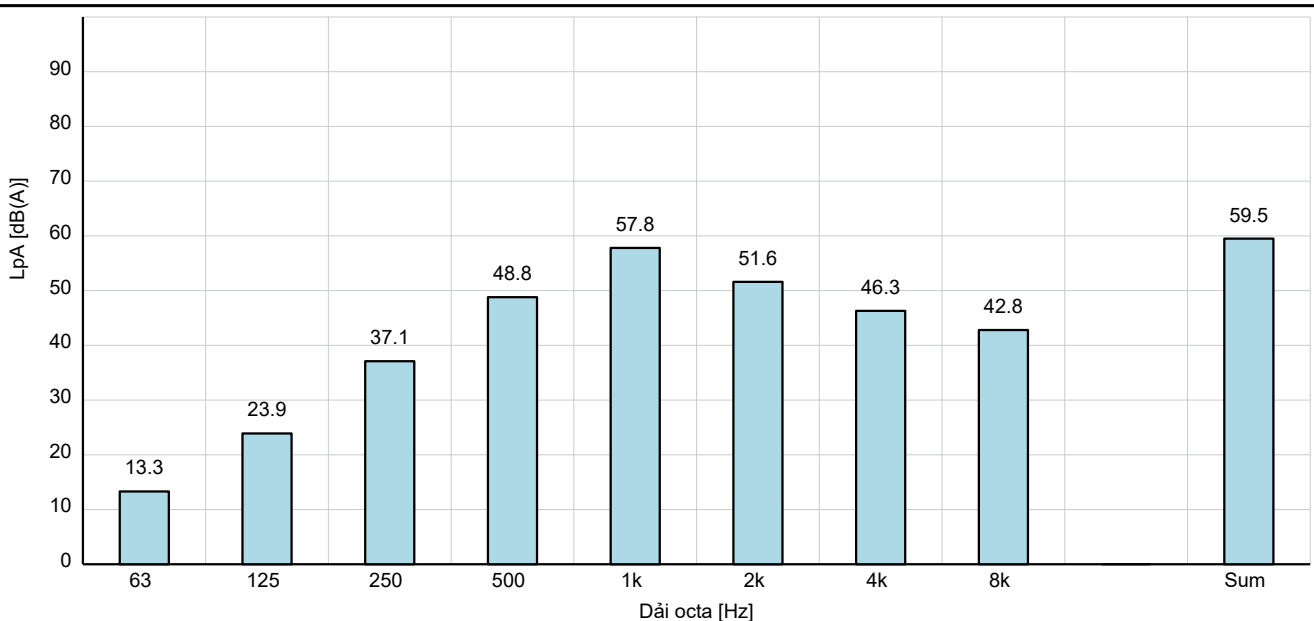
Phản đối: Loại đ. cơ: MLE71A

U: 200-240 [V]
f: 50/60 [Hz]
P2: 0.55 [kW]
n: 2900 - 4000 [rpm]

Điều kiện thử nghiệm: Load: No load / Idle

Thử âm: 230 [V]
f: 50 [Hz]
P2: 0 [kW]
n: 4000 [rpm]

Nhận xét:



Mức áp suất âm thanh L_{pA} : 59.5 [dB(A)]

Mức công suất âm thanh L_{WA} : 71.5 [dB(A)]

Lưu ý:

- Giá trị công suất âm thanh L_{WA} xác định theo IEC 60034-9, ISO 3745 và ISO 4871.
 - Tính bất định liên quan $K_{WA} = 3$ [dB(A)]
 - Tổng giá trị phát ra tiếng ồn được đo và tính bất định liên quan là ranh giới trên của phạm vi giá trị có khả năng xảy ra trong các lần đo.
- Công suất âm thanh được đánh giá ở tốc độ định mức và không tải theo quy định trong IEC 60034-9.
 - "Mức công suất âm thanh ở điều kiện toàn tải thường cao hơn mức công suất âm thanh không tải. Nói chung, nếu tiếng ồn rung động xuất hiện nhiều, sự thay đổi có thể là nhỏ nhưng nếu tiếng ồn điện từ xuất hiện nhiều, sự thay đổi có thể là lớn".
 - Thêm vào đó, theo trình bày trong IEC 60034-9 Sửa đổi 1, có thể tăng mức tiếng ồn trên bộ biến đổi tần số do tăng mức sóng hài cao hơn và khả năng trùng hợp giữa các loại sóng hài này và cộng hưởng kết cấu.
- Mức áp suất âm thanh tương đương L_{pA} ở khoảng cách 1 m được xác định từ mức công suất âm thanh thông qua phương pháp Q2 của ISO 11203
 - Diện tích bề mặt quan sát S là hình dạng hộp bao phủ nguồn và ở đây được tính cho khoảng cách được quy định là 1 m giữa nguồn và bề mặt quan sát.
 - Mức áp suất âm thanh phát ra có được từ phương pháp này thể hiện mức áp suất âm thanh trung bình trên diện tích bề mặt S trong điều kiện môi trường gần với trường tự do trên mặt phẳng phản chiếu.

Tham khảo:

- (IEC 60034-9, ISO 3745 & 4871)
- (IEC 60064-9; Khoản 8)
- (ISO 4871; Mục B2)
- (IEC 60034; Khoản 5.2)
- (IEC 60034-9; Khoản 6, Lưu ý 2)
- (IEC 60034-9 và 1; Khoản 7)
- (IEC 60034; Khoản 5.2)
- (ISO 11203; Khoản 6.2.3)